

Số: ~~3563~~ /BC-SYT

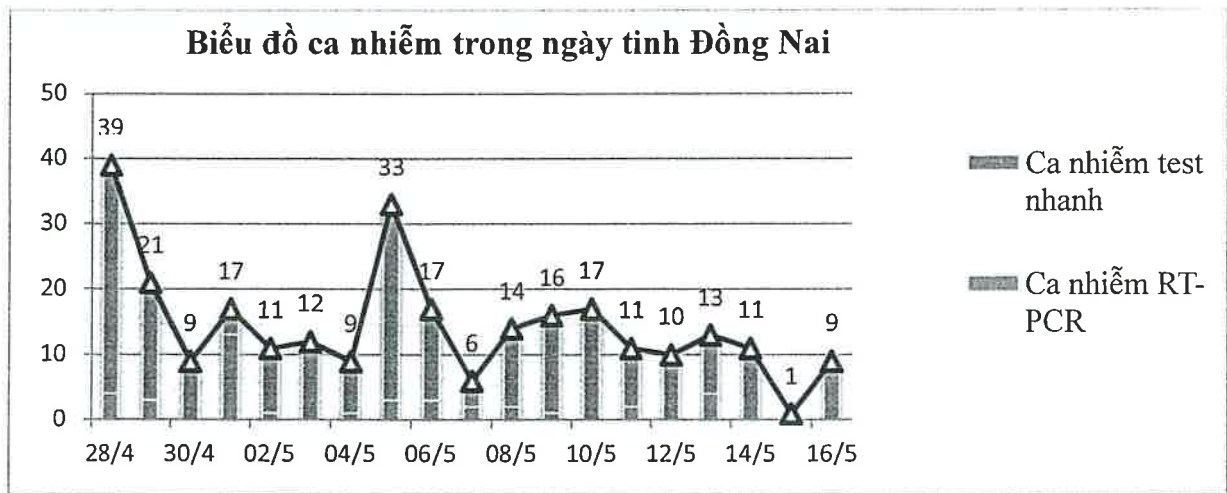
Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 16/5/2022

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

T T	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế		
		RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh	Tổng số ca bệnh
1	Biên Hòa	0	2	2	0	0	2	51.093	104.854	155.947
2	Nhon Trạch	0	0	0	0	0	0	19.379	42.489	61.868
3	Vĩnh Cửu	0	4	4	0	0	4	13.946	25.306	39.252
4	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	9.694	24.830	34.524
5	Long Thành	0	0	0	0	0	0	4.090	23.016	27.106
6	Thống Nhất	0	0	0	0	0	0	2.102	16.052	18.154
7	Định Quán	0	0	0	0	0	0	1.096	16.866	17.962
8	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	1.074	16.001	17.075
9	Cẩm Mỹ	0	2	2	0	0	2	773	15.559	16.332
10	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	1.346	14.157	15.503
11	Long Khánh	0	1	1	0	0	1	1.682	13.590	15.272
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0	403
Tổng số		0	9	9	0	0	9	106.678	312.720	419.398

* Triển khai Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.



Nhận xét:

- Trong ngày ghi nhận 09 ca mắc mới phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.398 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	00	00	44.101	44.101
Cách ly tại nhà	05	135	384.885	385.020
Theo dõi sức khỏe	00	00	51.981	51.981

Giải thể các cơ sở cách ly tập trung, duy trì các cơ sở thu dung người mắc COVID-19 tại các huyện, thành phố phục vụ người dân không đủ điều kiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	09	615	22	416.820	00	1.963	03
Tỉ lệ		0,15%		99,38%		0,47%	0,48%

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 06 ca (trong đó có 03 ca phải thở oxy)

- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 609 ca

- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm lũy kế: **0,47%**

- Số ca tử vong/100.000 dân/tuần: **0,06**

- Tỉ lệ tử vong/ tổng số ca điều trị/tuần: **0,06%**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	3	326
Tầng 2	3.821	2	3.816
Tầng 1	5.544	1	5.544

Số ca bệnh chuyển nặng phải nhập viện hỗ trợ y tế đã giảm đáng kể, hiện toàn tỉnh chỉ còn 05 ca điều trị tại cơ sở y tế, trong đó có 04 ca cần thở oxy.

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa		46	166.936	167.065
2	Long Khánh	1	4	13.938	13.942
3	Vĩnh Cửu	2	10	29.500	29.533
4	Định Quán	0	517	16.785	17.302
5	Tân Phú	0	9	16.042	16.051
6	Trảng Bom	0	2	13.860	13.862
7	Thống Nhất	0	2	16.430	16.439
8	Xuân Lộc	0	0	13.707	13.718
9	Cẩm Mỹ	1	8	15.443	15.452
10	Long Thành		2	38.450	38.452
11	Nhơn Trạch	0	9	42.479	42.489
	Tổng	5	609	383.570	384.305

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 16/5/2022)

- Được sự chấp thuận của UBND tỉnh tại văn bản số 4595/UBND-KGVX ngày 12/5/2022, Sở Y tế triển khai Kế hoạch số 3377/KH-SYT ngày 06/5/2022 của Sở Y tế về việc phân bổ sử dụng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh đợt 40.

- Trong ngày trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm 4.565 liều vắc xin phòng COVID-19, trong đó có 4.063 liều tiêm cho trẻ từ 5 dưới dưới 12 tuổi. Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.514.927 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 104,31% ; Mũi 2: 96,62%; Mũi 3: 50,29%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70%

(Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 63,25%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 93,43%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 43,83%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	87	00	2.324.847	317.905
RT-PCR mẫu đơn	92	02	2.146.721	282.842
RT-PCR mẫu gộp	01	00	383.823	35.212
Lượt người thực hiện PCR	94	02	3.973.316	282.842

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 00 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Duy trì hoạt động hiệu quả các Trạm Y tế lưu động tại địa phương và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

- + 209 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (64), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).
- + 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 09 ca mắc mới phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2. Đang theo dõi 615 ca mắc COVID-19 bao gồm 06 ca theo dõi tại cơ sở y tế, trong đó chỉ có 03 ca phải hỗ trợ thở oxy.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.398 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Trong ngày trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm 4.565 liều vắc xin phòng COVID-19, trong đó có 4.063 liều tiêm cho trẻ từ 5 dưới 12 tuổi. Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.514.927 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 104,31% ; Mũi 2: 96,62%; Mũi 3: 50,29%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 63,25%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 93,43%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 43,83%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 14/5/2022: tỉnh Đồng Nai duy trì mức nguy cơ **Cấp độ 1 Bình thường mới**

+ Cấp huyện: tất cả 11/11 huyện, thành phố cấp độ 1;

+ Cấp xã: tất cả 170/170 xã, phường cấp độ 1 .

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" (thay thế Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế).

- Các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 thần tốc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông thực hiện hiệu quả công thức 5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân. Đặc biệt chú trọng truyền thông về hiệu quả của việc tiêm vắc xin trong phòng chống dịch bệnh tăng sự đồng thuận của người dân.

- Triển khai Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai các hoạt động bảo vệ sức khỏe người dân giai đoạn hậu COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./. 

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế
(Cấp nhật đến ngày 14/5/2022 tại Báo cáo số 419/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

Huyện, thành phố		Xã, phường	
	Số lượng	Tỉ lệ	Tỉ lệ
Cấp 1 (Bình thường mới)	11	100%	100%
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	00	0%	0%
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	0%	0%
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	0%	0%
Tỉnh Đồng Nai: Cấp 1 - Đánh giá Mức độ lây nhiễm: Mức độ 1 - Đánh giá Khả năng đáp ứng: Khả năng cao - Tỉ lệ tử vong trong tuần ở mức dưới 6/100.000 dân			

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)			Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận		
							Số Ca	Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi		Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng								
															Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn										
TẦNG 3																										
1	BVĐN/ HSTC																									
2	BVTN/TTHSTC	200	50	0	0	0	0	0	0	3	330	613	566	0	0	0	3				0	0	0	3		
3	BVĐKKVLK/HSTC																									
4	BVĐKKVL.T/HSTC	100	100	0	0	0	0	0	0	0	103	271	210	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	
5	BV Nhi ĐN/HSTC	20	10	0	0	0	0	0	0	0	5	9	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	
Tổng cộng (tầng 3)		340	180	0	0	0	0	0	0	3	438	893	777	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	3	110	

TẦNG 2

4	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	0	1	0	0	0	0	0	0	2	345	0	4063	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	106
5	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	914	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150
11	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	112	120	0	0	0	0	0	0	0	0	0	57	22	589	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	120
Tổng cộng (tầng 2)		372	330	0	1	0	0	0	0	0	0	2	402	22	5566	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	376

TẦNG 1

2	Long Khánh	400	310	0	0	0	0	0	0	0	1	74	0	940	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	
3	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1533	3	9102	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Nhon Trách	50	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17	9987	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		450	360	0	0	0	0	0	0	0	1	1607	20	20029	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	50
TỔNG TẦNG (3+2+1)		1162	870	0	1	0	0	0	0	0	6	2447	935	26372	0	0	0	3	1	1	0	2	0	3	536

Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 5 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 16/5/2022)

TT	Địa phương	Người từ 5 tuổi trở lên								
		Dân số từ 5 tuổi trở lên	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Mũi 4	Tỷ lệ mũi 4
1	Biên Hòa	1.067.510	1.121.910	105,10%	1.072.589	100,48%	462.101	43,29%	0	0,00%
2	Long Khánh	152.590	131.441	86,14%	136.210	89,27%	85.512	56,04%	0	0,00%
3	Long Thành	243.125	258.346	106,26%	233.599	96,08%	133.884	55,07%	0	0,00%
4	Nhơn Trạch	284.734	272.654	95,76%	222.524	78,15%	126.547	44,44%	0	0,00%
5	Thống Nhất	157.127	159.163	101,30%	144.148	91,74%	70.111	44,62%	0	0,00%
6	Trảng Bom	329.612	327.976	99,50%	292.803	88,83%	172.351	52,29%	0	0,00%
7	Vĩnh Cửu	152.991	165.183	107,97%	160.636	105,00%	96.057	62,79%	12	0,01%
8	Xuân Lộc	217.600	221.847	101,95%	206.071	94,70%	113.950	52,37%	1	0,00%
9	Cẩm Mỹ	130.504	129.151	98,96%	120.622	92,43%	80.003	61,30%	0	0,00%
10	Định Quán	172.833	169.650	98,16%	160.395	92,80%	95.970	55,53%	0	0,00%
11	Tân Phú	146.636	154.519	105,38%	140.707	95,96%	67.947	46,34%	0	0,00%
	Đồng Nai	2.991.352	3.120.190	104,31%	2.890.304	96,62%	1.504.433	50,29%	13	0,00%

Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 16/5/2022)

TT	Địa phương	Người từ 12 đến 17 tuổi							Người từ 5 đến 11 tuổi						
		Dân số 12-17	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Dân số 5-11	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2
1	Biên Hòa	93.343	33	90.503	96,96%	85.434	91,53%	0	0,00%	105.514	2.217	44.587	42,26%	0	0,00%
2	Long Khánh	15.460	6	0	0,00%	14.862	96,13%	0	0,00%	16.359	23	7.323	44,76%		0,00%
3	Long Thành	27.269	0	27.323	100,20%	24.696	90,56%	0	0,00%	24.790	12	10.870	43,85%	0	0,00%
4	Nhom Trạch	18.215	0	19.565	107,41%	16.864	92,58%		0,00%	22.771	0	9.341	41,02%		0,00%
5	Thống Nhất	14.905	0	15.728	105,52%	14.162	95,02%	0	0,00%	20.979	14	8.490	40,47%		0,00%
6	Trảng Bom	34.961	0	33.558	95,99%	33.743	96,52%	0	0,00%	28.980	463	15.188	52,41%	0	0,00%
7	Vĩnh Cửu	15.040	0	14.972	99,55%	14.428	95,93%	0	0,00%	16.802	0	8.350	49,70%	0	0,00%
8	Xuân Lộc	22.654	6	22.467	99,17%	21.456	94,71%		0,00%	28.901	432	10.149	35,12%		0,00%
9	Cẩm Mỹ	12.810	1	12.667	98,88%	11.836	92,40%	0	0,00%	15.417	532	6.288	40,79%	0	0,00%
10	Định Quán	20.291	36	20.249	99,79%	19.680	96,99%	0	0,00%	22.562	296	10.478	46,44%	0	0,00%
11	Tân Phú	17.908	0	17.175	95,91%	16.450	91,86%	0	0,00%	16.926	74	9.197	54,34%	0	0,00%
	Đồng Nai	292.856	82	274.207	93,63%	273.611	93,43%	0	0,00%	320.001	4.063	140.261	43,83%	0	0,00%